

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ S, TP. HÀ NỘI

Bản án số: 140./2023/HSST

Ngày 19/12/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S, TP. HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lưu Ngọc Hưng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phùng Khắc Tuấn**

Bà **Phùng Thị Ngọc Hà**

Thư ký phiên toà: Bà **Doãn Thị Hồng Nhung** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thúy Diệu**- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S, Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 135/2023/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1963; ĐKKHKT: Thôn N, xã H, huyện T, TP. Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Số 32A1 TT BTL Thông tin, xã H, huyện T, TP. Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1941 và bà: Lục Thị T, sinh năm 1943; Chồng: Trần Văn H, sinh năm 1960; con: 03 con, lớn sinh năm 1985 và nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/5/2023 đến ngày 28/5/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt;

2. Hoàng Thị Kim D, sinh năm 1964; ĐKKHKT: Số 223 phố V, phường T, quận T, TP. Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Số 220 đường 3.6 Gamuda Gardens, phường T, quận M, TP. Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao

động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; con ông: Hoàng Đình K (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T (đã chết); Chồng: Hà Thừa T, sinh năm 1955; con: 02 con, lớn sinh năm 1988 và nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/5/2023 đến ngày 03/6/2023. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Hồng Đ, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường T, thị xã S, TP. Hà Nội “vắng mặt”

2. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện T, TP. Hà Nội “vắng mặt”

3. Chị Bùi Thị Hồng P, sinh năm 1992; Địa chỉ: Phòng 406 CT1B CC X, phường K, quận M, TP. Hà Nội “vắng mặt”

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T (gọi tắt là Công ty T), MST: 0108815216, địa chỉ trụ sở: Số 108 V, phường S, TX S, TP Hà Nội hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình và kinh doanh vật liệu xây dựng (đất, cát, đá...) do anh Phạm Hồng Đ(Sinh năm 1977; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: TDP 7, phường T, TX S, TP Hà Nội) là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật ,trực tiếp chỉ đạo và điều hành mọi hoạt động.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ và thiết kế xây dựng C (gọi tắt là Công ty C), MST: 0107946840, địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện T, TP Hà Nội hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng (đất, cát, đá...) do chị Nguyễn Thị X (Sinh năm 1973; Nơi thường trú: Khu N, xã L, TX Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; Nơi ở hiện tại: Thôn B, xã X, huyện T, TP Hà Nội) là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc). Trên thực tế, toàn bộ mọi hoạt động của Công ty C là do Hoàng Thị Kim D (Sinh năm 1964; Nơi thường trú: Số 223 phố V, phường T, quận T, TP Hà Nội; Nơi ở hiện tại: Số 220 đường 3.6 Gamuda Gardens, phường P, quận M, TP Hà Nội) là người trực tiếp quản lý, điều hành; chị X là người được D thuê làm nhân viên bán

hàng (được trả lương hàng tháng) và nhờ đứng tên làm Giám đốc, ký hồ sơ, tài liệu có liên quan.

Nguyễn Thị Hồng T (Sinh năm 1963; Nơi thường trú: Thôn N, xã Tứ Hiệp, huyện T, TP Hà Nội; Nơi ở hiện tại: Số 32A1 Tập thể Bộ tư lệnh Thông Tin, xã Tứ Hiệp, huyện T, TP Hà Nội) không có chức năng, nhiệm vụ gì tại Công ty T và Công ty C. Tuy nhiên, T có mối quan hệ quen biết, thường xuyên gặp, nói chuyện với anh Phạm Hồng Đ và Hoàng Thị Kim D

Khoảng đầu năm 2020, Công ty T có mua hàng hóa dịch vụ là vật liệu xây dựng (đất, cát, đá...) nhưng không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc; Công ty C đã bán hàng cho một số cá nhân không yêu cầu xuất hóa đơn nên thừa hóa đơn đầu ra. Để hợp thức chi phí hàng hóa dịch vụ mua vào làm giảm số tiền thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước nên Phạm Hồng Đ đã trao đổi với Nguyễn Thị Hồng T về việc muốn mua hóa đơn GTGT. Sau đó, T đã nói chuyện với Hoàng Thị Kim D về việc anh Đ muốn mua hóa đơn GTGT. Vì vậy, Hoàng Thị Kim D đã nảy sinh và đồng ý bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty C với chi phí là 10,5% (giá trị tiền hàng trước thuế ghi trên hóa đơn) để kiếm lời; Nguyễn Thị Hồng T đã trao đổi, thống nhất với Phạm Hồng Đ về chi phí mua, bán hóa đơn GTGT là 11% (giá trị tiền hàng trước thuế ghi trên hóa đơn) để được hưởng lợi 0,5%.

Để thực hiện hành vi bán trái phép hóa đơn thì Hoàng Thị Kim D đã chỉ đạo Kế toán của Công ty C là chị Bùi Thị Hồng P (Sinh năm 1992; Nơi thường trú: P406 CT1B CC x, phường K, quận M, TP Hà Nội) nội D là Công ty C bán hàng cho Công ty T thông qua Nguyễn Thị Hồng T nên chị P chỉ có nhiệm vụ làm hợp đồng, xuất hóa đơn GTGT theo yêu cầu của T. Sau khi nhận được hóa đơn, tài liệu từ chị Bùi Thị P thì Nguyễn Thị Hồng T đã gặp và đưa trực tiếp cho anh Phạm Hồng Đ.

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 5/2023, Hoàng Thị Kim D và Nguyễn Thị Hồng T đã có hành vi bán trái phép số lượng 14 hóa đơn GTGT (đã hoàn thiện nội D, không có hàng hóa dịch vụ) của Công ty C cho anh Phạm Hồng Đ, cụ thể gồm:

1. Hóa đơn, số 0000759, ghi ngày 02/4/2020 (giá trị tiền hàng trước thuế là 42.150.000 đồng; giá trị tiền hàng sau thuế là 46.365.000 đồng).
2. Hóa đơn, số 0000009, ghi ngày 07/7/2020 (giá trị tiền hàng trước thuế là 72.727.273 đồng; giá trị tiền hàng sau thuế là 80.000.000 đồng).
3. Hóa đơn, số 0000833, ghi ngày 04/01/2021 (giá trị tiền hàng trước thuế là 207.500.000 đồng; giá trị tiền hàng sau thuế là 228.250.000 đồng).
4. Hóa đơn, số 0000774, ghi ngày 12/12/2021 (giá trị tiền hàng trước thuế là 66.000.000 đồng; giá trị tiền hàng sau thuế là 72. 600.000 đồng).
5. Hóa đơn, số 178, ghi ngày 21/02/2022 (giá trị tiền hàng trước thuế là 90.000.000 đồng; giá trị tiền hàng sau thuế là 99.000.000 đồng).
6. Hóa đơn, số 182, ghi ngày 22/02/2022 (giá trị tiền hàng trước thuế là 90.000.000 đồng; giá trị tiền hàng sau thuế là 99.000.000 đồng).
7. Hóa đơn, số 460, ghi ngày 08/4/2022 (giá trị tiền hàng trước thuế là 396.800.000 đồng; giá trị tiền hàng sau thuế là 436.480.000 đồng).
8. Hóa đơn, số 606, ghi ngày 29/4/2022 (giá trị tiền hàng trước thuế là 266.000.000 đồng; giá trị tiền hàng sau thuế là 292.600.000 đồng).
9. Hóa đơn, số 1045, ghi ngày 30/6/2022 (giá trị tiền hàng trước thuế 17.600.000 đồng; giá trị tiền hàng sau thuế là 19.360.000 đồng).
10. Hóa đơn, số 1699, ghi ngày 16/9/2022 (giá trị tiền hàng trước thuế là 12.000.000 đồng; giá trị tiền hàng sau thuế là 13.200.000 đồng).
11. Hóa đơn, số 1886, ghi ngày 10/10/2022 (giá trị tiền hàng trước thuế là 300.000.000 đồng; giá trị tiền hàng sau thuế là 330.000.000 đồng).
12. Hóa đơn, số 301, ghi ngày 16/3/2023 (giá trị tiền hàng trước thuế là 92.200.000 đồng; giá trị tiền hàng sau thuế là 102.520.000 đồng).

13. Hóa đơn, số 306, ghi ngày 16/3/2023 (giá trị tiền hàng trước thuế là 185.200.000 đồng; giá trị tiền hàng sau thuế là 203.720.000 đồng).

14. Hóa đơn, số 810, ghi ngày 11/5/2023 (giá trị tiền hàng trước thuế là 220.663.628 đồng; giá trị tiền hàng sau thuế là 242.729.000 đồng).

Tổng số tiền hàng của 14 hóa đơn trước thuế 2.059.840.000 đồng; giá trị tiền sau thuế là 2.265.000.000 đồng

Phạm Hồng Đ là người trực tiếp thanh toán tiền phí mua số lượng 14 hoá đơn GTGT cho Nguyễn Thị Hồng T bằng hình thức chuyển tổng số tiền 239.621.000 đồng (trong đó 226.571.500 đồng là thanh toán tiền chi phí mua hoá đơn; số tiền còn lại là trả nợ) từ tài khoản số 19028989277017 (tài khoản của anh Đ mở tại Ngân hàng Techcombank) đến tài khoản số 138932 (tài khoản của T mở tại Ngân hàng VPBank). Sau đó, Nguyễn Thị Hồng T đã thanh toán tiền mua hoá đơn (10,5% giá trị tiền hàng trước thuế) cho Hoàng Thị Kim D bằng hình thức trả tiền mặt và được hưởng lợi 0,5% (giá trị tiền hàng trước thuế ghi trên hoá đơn). Sau khi mua được hoá đơn, Công ty T đã sử dụng 13/14 hoá đơn (chưa sử dụng hoá đơn số 810, ghi ngày 11/5/2023) để khai hàng hoá đối với hàng hoá dịch vụ mua vào của Công ty T theo quy định; chưa thực hiện chuyển tiền hợp thức thanh toán tiền hàng theo 14 hoá đơn GTGT do Công ty C xuất.

Ngày 26/5/2023 Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở và nơi làm việc của Hoàng Thị Kim D thu giữ vật chứng gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max (Số máy MLKV3LL/A; Số sê-ri: N99NW9P4Y1; IMEI: 352996432764325, gắn 01 thẻ sim Vinaphone số trên sim mờ, không xác định được; đã qua sử dụng) là điện thoại D sử dụng để giao dịch bán trái phép hoá đơn GTGT.

- 01 Cây máy tính (vỏ màu đen, trên vỏ có in chữ GIPCO).

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã số doanh nghiệp: 0107946840) đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 8 năm 2017; Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 07 tháng 5 năm 2020 (Bản sao);

- Giấy chứng minh nhân dân, số 131119020 mang tên “Nguyễn Thị X” do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 03/6/2009 (Bản photo có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị X);

- 21 (Hai mươi mốt) quyển sổ hóa đơn bán hàng (19 quyển bìa màu trắng, 02 quyển bìa màu hồng) ghi chép việc Công ty C bán hàng năm 2018;

- 38 (Ba mươi tám) quyển sổ hóa đơn bán hàng (bìa màu hồng) ghi chép việc Công ty C bán hàng năm 2019;

- 22 (Hai mươi hai) quyển sổ hóa đơn bán hàng (bìa màu hồng) ghi chép việc Công ty C bán hàng năm 2020;

- 20 (Hai mươi) quyển sổ hóa đơn bán hàng (bìa màu hồng) ghi chép việc Công ty C bán hàng năm 2021;

- 27 (Hai mươi bảy) quyển sổ hóa đơn bán hàng (bìa màu hồng) ghi chép Công ty C bán hàng năm 2022;

- 12 (Mười hai) quyển sổ hóa đơn bán hàng (bìa màu hồng) ghi chép việc Công ty C bán hàng năm 2023.

Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ của Nguyễn Thị Hồng T:

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax (vỏ màu vàng; Số IMEI 1: 350636275731187, IMEI 2: 3506366275514328, lắp sim Viettel in số: 898404800881064196, đã qua sử dụng) là điện thoại Tsử dụng để giao dịch mua, bán trái phép hoá đơn GTGT.

Thu giữ của Phạm Hồng Đ:

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus (vỏ màu đen; Số IMEI: 356570088481454, lắp sim Viettel in số: 8984048831006022847, đã qua sử dụng) là điện thoại anh Đ sử dụng để giao dịch mua trái phép hoá đơn GTGT.

Ngày 06/6/2023, Cơ quan CSĐT – Công an TX S đã ra Quyết định trưng cầu giám định, số 178/QĐ-CQĐT-CSKT trưng cầu Cục thuế TP Hà Nội giám định việc chấp hành nghĩa vụ thuế với Nhà nước của Công ty Thanh Thu.

Tại bản Kết luận giám định, ngày 20/7/2023 của Cục Thuế TP Hà Nội kết luận(BL-154-160): *Công ty T đã có hành vi mua không hóa đơn (không có hàng hóa, dịch vụ) để kê khai và hạch toán làm giảm số tiền thuế phải nộp. Đối chiếu với quy định hiện hành tại thời điểm phát sinh vụ việc thì hành vi của Công ty T là hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 4, Điều 108 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; khoản 4, Điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc Hội. Số thuế GTGT đã trốn là 4.215.000 đồng.*

Quá trình điều tra xác định không liên quan đến việc phạm tội. Ngày 02/11/2023, Cơ quan CSĐT Công an TX S đã ra Quyết định số 36/QĐ-CQĐT xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả Hoàng Thị Kim D gồm:

- 01 Cây máy tính (vỏ màu đen, trên vỏ có in chữ GIPCO).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã số doanh nghiệp: 0107946840) đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 8 năm 2017; Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 07 tháng 5 năm 2020 (Bản sao);
- Giấy chứng minh nhân dân, số 131119020 mang tên “Nguyễn Thị X” do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 03/6/2009 (Bản phô tô có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị X);
- 21 (Hai mươi một) quyển sổ hóa đơn bán hàng (19 quyển bìa màu trắng, 02 quyển bìa màu hồng) ghi chép việc Công ty C bán hàng năm 2018;
- 38 (Ba mươi tám) quyển sổ hóa đơn bán hàng (bìa màu hồng) ghi chép việc Công ty C bán hàng năm 2019;

- 22 (Hai mươi hai) quyển sổ hóa đơn bán hàng (bìa màu hồng) ghi chép việc Công ty C bán hàng năm 2020;

- 20 (Hai mươi) quyển sổ hóa đơn bán hàng (bìa màu hồng) ghi chép việc Công ty C bán hàng năm 2021;

- 27 (Hai mươi bảy) quyển sổ hóa đơn bán hàng (bìa màu hồng) ghi chép Công ty C bán hàng năm 2022;

- 12 (Mười hai) quyển sổ hóa đơn bán hàng (bìa màu hồng) ghi chép việc Công ty C bán hàng năm 2023.

- Đối với Phạm Hồng Đvà Công ty Thanh Thu: đã cung cấp bảng kê hàng hoá dịch vụ mua vào của Công ty Thanh Thu, Cơ quan CSĐT – Công an TX S đã tiến hành xác minh, làm việc đối với anh Phạm Hồng Đvà 50 đơn vị có mối quan hệ kinh tế (bán hàng) cho Công ty Thanh Thu. Tuy nhiên, không phát hiện, thu thập được thông tin, tài liệu gì có liên quan đến hành vi mua bán trái phép hoá đơn GTGT.

Phạm Hồng Đlà người trực tiếp giao dịch mua số lượng 14 hoá đơn GTGT (đã hoàn thiện nội D) để kê khai đối với số hàng hoá dịch vụ mua vào không có hoá đơn của Công ty Thanh Thu. Cơ quan CSĐT – Công an TX S đã trưng cầu Cục thuế TP Hà Nội và tra cứu tại Phòng PV06 – Công an TP Hà Nội thấy rằng số tiền thuế GTGT mà Công ty Tđã trốn là 4.215.000 đồng, anh Phạm Hồng Đlà người chưa có tiền án, tiền sự nên không đủ yếu tố cấu thành tội: Trốn thuế, quy định tại Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Cơ quan CSĐT – Công an TX S có văn bản gửi đến Chi cục thuế TX S thông báo vi phạm và đề nghị xem xét, xử lý đối với anh Phạm Hồng Đvà Công ty Ttheo quy định của pháp luật.

- Đối với chị Nguyễn Thị X và chị Bùi Thị Hồng P: Theo hồ sơ, tài liệu thể hiện chị Nguyễn Thị X người đại diện theo pháp luật (giám đốc), chị Bùi Thị Hồng P là kế toán của Công ty C. Thực tế chị X được Hoàng Thị Kim D thuê bán hàng và nhờ đứng tên làm giám đốc, không tham gia điều hành Công ty; chị P là được thuê làm kế toán, được giao nhiệm vụ xuất hoá đơn thể hiện việc bán hàng của Công ty C. Cả chị X và chị P làm theo sự chỉ đạo

của D và không biết việc Hoàng Thị Kim D bán trái phép hoá đơn GTGT của Công ty C. Vì vậy, Cơ quan CSĐT – Công an TX S không đưa ra hình thức xử lý đối với chị Nguyễn Thị X và chị Bùi Thị Hồng P.

- Đối với Công ty C: Hoàng Thị Kim D đã có hành vi bán trái phép 14 hoá đơn GTGT (đã hoàn thiện nội D) của Công ty C (D đã bị Cơ quan CSĐT – Công an TX S khởi tố, đề nghị truy tố về hành vi bán trái phép hoá đơn). Vì vậy, Cơ quan CSĐT – Công an TX S có văn bản gửi đến Chi cục thuế khu vực Thạch Thất – Quốc Oai thông báo về vi phạm và đề nghị xem xét, xử lý đối với Công ty TNHH thương mại dịch vụ và thiết kế xây dựng C theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: 03 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng, chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã S để xử lý theo quy định của pháp luật

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Thị Hồng T, Hoàng Thị Kim D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 137/CT-VKS ngày 21/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội đã truy tố Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1963 về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật hình sự và Hoàng Thị Kim D, sinh năm 1964 quy định tại khoản 2 Điều 203 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã S, thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T từ 50.000.000đ đến 70.000.000đ.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Kim D từ 200.000.000đ đến 270.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung quỹ nhà nước:

+ 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus (vỏ màu đen; Số IMEI: 356570088481454, lắp sim Viettel in số: 8984048831006022847) đã qua sử dụng

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax (vỏ màu vàng; Số IMEI 1:350636275731187, IMEI 2: 3506366275514328, lắp sim Viettel in số: 898404800881064196) đã qua sử dụng;

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max (số máy MLKV3LL/A; Số sê-ri: N99NW9P4Y1; IMEI: 352996432764325, gắn 01 thẻ sim Vinaphone số trên sim mờ, không xác định được) đã qua sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định theo Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo được đưa ra các tài liệu, chứng cứ phù hợp quy định của pháp luật, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T và Hoàng Thị Kim D đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình cũng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét về chứng cứ đã có cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 5/2023, Hoàng Thị Kim D, Nguyễn Thị Hồng T đã có hành vi bán trái phép 14 hóa đơn GTGT (đã hoàn thiện nội D) của Công ty TNHH thương mại dịch vụ và thiết kế xây dựng C với chi phí là 11% (giá trị

tiền hàng trước thuế ghi trên hoá đơn) cho anh Phạm Hồng Đ(Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Thanh Thu), Hoàng Thị Kim D được hưởng 10,5% từ việc bán hóa đơn GTGT là 215.178.100 đồng, Tđược hưởng 0,5% với số tiền là 10.279.100 đồng.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để khẳng định các bị cáo Nguyễn Thị Hồng T và Hoàng Thị Kim D phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” như Viện kiểm sát truy tố là đúng.

[3] Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong việc quản lý hóa đơn, chứng từ của nhà nước, đồng thời xâm phạm đến hoạt động thu, chi ngân sách Nhà nước, gây mất trật tự trị an. Khi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, tuổi chịu trách nhiệm hình sự, do vậy các bị cáo có đủ khả năng để nhận thức việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân bị cáo vẫn cố thực hiện.

Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo có sự bàn bạc, thống nhất khi có ý định thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Hoàng Thị Kim D hưởng lợi số tiền là 215.178.100 đồng. Số tiền mà bị cáo D được hưởng lợi bất chính đã vi phạm vào điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự. Bị cáo D là người trực tiếp quản lý, điều hành công ty TNHH thương mại dịch vụ và thiết kế xây dựng C. Như vậy, bị cáo D có vai trò cao hơn trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T được hưởng lợi số tiền là 10.279.100đồng và là người trực tiếp liên hệ để anh Phạm Hồng Đmua hóa đơn.

Do đó, Tòa án cần phải xử lý nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự ở giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn, hối cải với hành vi phạm tội của mình nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ

một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật để bị cáo cải tạo tốt.

Trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo D , bị cáo Tcũng tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền các bị cáo thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả là: 225.457.200đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về số tiền các bị cáo thu lợi bất chính: Đối với số tiền 215.178.100 đồng bị cáo D nộp trước khi xét xử sơ thẩm (bị cáo đã nộp tiền tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã S ngày 07/12/2023 theo biên lai số 0000795) và số tiền 10.279.100đồng bị cáo Tnộp trước khi xét xử sơ thẩm (bị cáo đã nộp tiền tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã S ngày 07/12/2023 theo biên lai số 0000797) là tiền các bị cáo thu lợi bất chính nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với:

+ 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus (vỏ màu đen; Số IMEI: 356570088481454, lắp sim Viettel in số: 8984048831006022847) đã qua sử dụng là điện thoại Đ sử dụng để giao dịch mua bán trái phép hóa đơn.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax (vỏ màu vàng; Số IMEI 1:350636275731187, IMEI 2: 3506366275514328, lắp sim Viettel in số: 898404800881064196) đã qua sử dụng là điện thoại Thái sử dụng để giao dịch mua, bán trái phép hóa đơn GTGT;

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max (số máy MLKV3LL/A; Số sê-ri: N99NW9P4Y1; IMEI: 352996432764325, gắn 01 thẻ sim Vinaphone số trên sim mờ, không xác định được) đã qua sử dụng là điện thoại D sử dụng để giao dịch bán trái phép hóa đơn GTGT.

Đây đều là điện thoại sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[8] Về các vấn đề khác có liên quan đến vụ án:

- Đối với Phạm Hồng Đ và Công ty Thanh Thu: đã cung cấp bảng kê hàng hoá dịch vụ mua vào của Công ty Thanh Thu, Cơ quan CSĐT – Công an TX S đã tiến hành xác minh, làm việc đối với anh Phạm Hồng Đ và 50 đơn vị có mối quan hệ kinh tế (bán hàng) cho Công ty Thanh Thu. Tuy nhiên, không phát hiện, thu thập được thông tin, tài liệu gì có liên quan đến hành vi mua bán trái phép hoá đơn GTGT nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Phạm Hồng Đ là người trực tiếp giao dịch mua số lượng 14 hoá đơn GTGT (đã hoàn thiện nội D) để kê khai đối với số hàng hoá dịch vụ mua vào không có hoá đơn của Công ty Thanh Thu. Cơ quan CSĐT – Công an TX S đã trưng cầu Cục thuế TP Hà Nội và tra cứu tại Phòng PV06 – Công an TP Hà Nội thấy rằng số tiền thuế GTGT mà Công ty T đã trốn là 4.215.000 đồng, anh Phạm Hồng Đ là người chưa có tiền án, tiền sự nên không đủ yếu tố cấu thành tội: Trốn thuế, quy định tại Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Cơ quan CSĐT – Công an TX S có văn bản gửi đến Chi cục thuế TX S thông báo vi phạm và đề nghị xem xét, xử lý đối với anh Phạm Hồng Đ và Công ty T theo quy định của pháp luật nên không đề cập xử lý.

- Đối với chị Nguyễn Thị X và chị Bùi Thị Hồng P: Theo hồ sơ, tài liệu thể hiện chị Nguyễn Thị X người đại diện theo pháp luật (giám đốc), chị Bùi Thị Hồng P là kế toán của Công ty C. Thực tế chị X được Hoàng Thị Kim D thuê bán hàng và nhờ đứng tên làm giám đốc, không tham gia điều hành Công ty; chị P là được thuê làm kế toán, được giao nhiệm vụ xuất hoá đơn thể hiện việc bán hàng của Công ty C. Cả chị X và chị P làm theo sự chỉ đạo của D và không biết việc Hoàng Thị Kim D bán trái phép hoá đơn GTGT của Công ty C. Vì vậy, Cơ quan CSĐT – Công an TX S không đưa ra hình thức xử lý đối với chị Nguyễn Thị X và chị Bùi Thị Hồng P nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Công ty C: Hoàng Thị Kim D đã có hành vi bán trái phép 14 hoá đơn GTGT (đã hoàn thiện nội D) của Công ty C (D đã bị Cơ quan CSĐT – Công an TX S khởi tố, đề nghị truy tố về hành vi bán trái phép hoá đơn). Vì vậy, Cơ quan CSĐT – Công an TX S có văn bản gửi đến Chi cục thuế khu vực Thạch Thất – Quốc Oai thông báo về vi phạm và đề nghị xem xét, xử lý đối với Công ty TNHH thương mại dịch vụ và thiết kế xây dựng C theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị Kim D và Nguyễn Thị Hồng T phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Hoàng Thị Kim D 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng)

Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i ,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; Điều 35 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thị Hồng T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung quỹ nhà nước:

+ 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus (vỏ màu đen; Số IMEI: 356570088481454, lắp sim Viettel in số: 8984048831006022847) đã qua sử dụng

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax (vỏ màu vàng; Số IMEI 1:350636275731187, IMEI 2: 3506366275514328, lắp sim Viettel in số: 898404800881064196) đã qua sử dụng;

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max (số máy MLKV3LL/A; Số sê-ri: N99NW9P4Y1; IMEI: 352996432764325, gắn 01 thẻ sim Vinaphone số trên sim mờ, không xác định được) đã qua sử dụng.

(Các vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/11/2023)

Tích thu sung quỹ nhà nước số tiền 215.178.100 đồng tiền ngân hàng nhà nước đang lưu hành đã được bị cáo Hoàng Thị Kim D tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, Hà Nội theo biên lai thu số 0000795 ngày 07/12/2023;

Tích thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.279.100 đồng tiền ngân hàng nhà nước đang lưu hành đã được bị cáo Nguyễn Thị Hồng T tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, Hà Nội theo biên lai thu số 0000797 ngày 07/12/2023;

Về án phí: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ngọc Hưng